

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Mẫu số B 01a - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ (Mẫu số B 02a - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B 03a - DN)	8
Thuyết minh chọn lọc cho báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B 09a - DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 1400112623 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 17 tháng 4 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 ngày 29 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp

#### Hội đồng Quản trị

Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên
Ông Võ Phú Đức	Thành viên
Bà Trương Tuyết Hoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Thành viên

#### Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Thành	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 5.5.2017) Thành viên (từ nhiệm ngày 5.5.2017)
Bà Nguyễn Thị Thái Ly	Thành viên (bổ nhiệm ngày 5.5.2017) Trưởng ban (từ nhiệm ngày 5.5.2017)
Bà Phan Thị Kiều Oanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 5.5.2017)
Ông Trần Minh Hào	Thành viên (từ nhiệm ngày 5.5.2017)

#### Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Trung	Giám đốc thường trực (bổ nhiệm ngày 1.1.2017)
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc tài chính
Bà Hồ Thanh Huệ	Giám đốc sản xuất
Bà Trương Tuyết Hoa	Giám đốc kinh doanh (bổ nhiệm ngày 1.1.2017)
Bà Đặng Thị Thương	Giám đốc phát triển bền vững (bổ nhiệm ngày 1.1.2017)

#### Người đại diện theo pháp luật

Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
------------------------	----------------------------

#### Trụ sở chính

Quốc lộ 30, phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 38. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.



Nguyễn Ngô Vi Tâm  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Tháp, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2017



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2017 và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2017. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 38.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trần  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2017-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM6392  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Như đã nêu trong Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Mẫu số B 01a – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.150.929.257.960</b>	<b>2.553.309.689.836</b>
110	Tiền		35.553.028.024	150.839.591.519
111	Tiền	3	35.553.028.024	150.839.591.519
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		410.505.191.322	169.275.191.322
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	410.505.191.322	169.275.191.322
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.933.989.905.519	1.463.638.430.458
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.421.375.722.589	990.305.565.677
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	19.816.424.987	107.286.198.158
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	473.083.746.000	347.350.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	8	22.702.861.134	21.685.515.814
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.988.849.191)	(2.988.849.191)
140	Hàng tồn kho	9	740.000.382.240	738.340.266.215
141	Hàng tồn kho		782.274.186.855	824.251.683.786
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(42.273.804.615)	(85.911.417.571)
150	Tài sản ngắn hạn khác		30.880.750.855	31.216.210.322
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		4.832.573.024	10.497.995.085
152	Thuế GTGT được khấu trừ		24.303.264.343	20.212.573.735
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.744.913.488	505.641.502
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.261.089.585.958</b>	<b>994.097.122.491</b>
210	Các khoản phải thu dài hạn		1.167.461.625	1.167.461.625
216	Phải thu dài hạn khác		1.167.461.625	1.167.461.625
220	Tài sản cố định		332.090.238.589	340.992.311.811
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	285.364.677.266	282.744.246.798
222	Nguyên giá		900.871.345.720	862.542.883.067
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(615.506.668.454)	(579.798.636.269)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	46.725.561.323	58.248.065.013
228	Nguyên giá		49.916.481.640	61.168.062.440
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.190.920.317)	(2.919.997.427)
240	Tài sản dở dang dài hạn		134.908.883.806	98.639.026.467
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	134.908.883.806	98.639.026.467
250	Đầu tư tài chính dài hạn		757.624.979.063	522.580.148.376
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	864.138.611.404	606.138.611.404
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	17.275.069.978	17.275.069.978
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b),4(c)	(123.788.702.319)	(100.833.533.006)
260	Tài sản dài hạn khác		35.298.022.875	30.718.174.212
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	32.413.704.074	24.574.938.114
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	2.884.318.801	6.143.236.098
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>4.412.018.843.918</b>	<b>3.547.406.812.327</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.105.692.295.642</b>	<b>1.408.847.409.780</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.035.090.305.816</b>	<b>1.339.931.290.930</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	152.189.752.683	217.588.240.296
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		18.008.685.477	10.717.718.684
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	14	27.254.732.661	79.387.041.136
314	Phải trả người lao động		46.031.963.006	82.583.206.225
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.319.107.760	4.528.854.075
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	604.483.269.982	417.212.363.487
320	Vay ngắn hạn	17	1.134.846.579.550	445.476.848.179
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	5.826.198.721	33.566.154.322
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	42.130.015.976	48.870.864.526
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>70.601.989.826</b>	<b>68.916.118.850</b>
338	Vay dài hạn	17	63.473.387.326	61.527.365.850
342	Dự phòng phải trả dài hạn		7.128.602.500	7.388.753.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.306.326.548.276</b>	<b>2.138.559.402.547</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.306.326.548.276</b>	<b>2.138.559.402.547</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	924.039.430.000	924.039.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		924.039.430.000	924.039.430.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	216.409.744.645	216.409.744.645
415	Cổ phiếu quỹ	22	(3.015.672.745)	(3.015.672.745)
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	1.168.893.046.376	1.001.125.900.647
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.001.125.900.647	594.700.613.474
421b	- LNST chưa phân phối kỳ/năm nay		167.767.145.729	406.425.287.173
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.412.018.843.918</b>	<b>3.547.406.812.327</b>

*thuan*



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng/Người lập

Nguyễn Ngô Vi Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Mẫu số B 02a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.827.792.784.927	2.877.692.043.944
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(7.173.111.247)	(37.957.919.380)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.820.619.673.680	2.839.734.124.564
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(2.423.140.507.214)	(2.372.153.019.855)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	397.479.166.466	467.581.104.709
21	Doanh thu hoạt động tài chính	29.993.593.383	31.399.299.951
22	Chi phí tài chính	(53.086.223.385)	(48.228.577.216)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(18.631.856.732)	(23.535.806.475)
25	Chi phí bán hàng	(141.292.041.610)	(145.510.535.243)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(37.132.967.912)	(31.312.634.293)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	195.961.526.942	273.928.657.908
31	Thu nhập khác	3.906.612.993	6.141.154.150
32	Chi phí khác	(1.258.982.460)	(1.419.880.547)
40	Lợi nhuận khác	2.647.630.533	4.721.273.603
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	198.609.157.475	278.649.931.511
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(27.583.094.449)	(50.221.270.979)
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.258.917.297)	11.262.819.567
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	167.767.145.729	239.691.480.099

*Handwritten signature*

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng/Người lập



*Handwritten signature*

Nguyễn Ngô Vi Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế	198.609.157.475	278.649.931.511
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	10 37.211.437.586	33.083.561.474
03	Các khoản dự phòng	(48.682.549.744)	23.572.582.890
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	27, 28 6.562.960.964	(473.446.094)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(13.868.908.534)	(16.950.748.138)
06	Chi phí lãi vay	28 18.631.856.732	23.535.806.475
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	198.463.954.479	341.417.688.118
09	Tăng các khoản phải thu	(358.186.249.820)	(75.255.956.037)
10	Giảm hàng tồn kho	41.977.496.931	98.238.038.241
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	91.202.256.525	(112.720.962.680)
12	Giảm chi phí trả trước	11.759.550.117	7.503.997.463
14	Tiền lãi vay đã trả	(18.609.140.066)	(23.535.806.475)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14 (78.909.022.202)	(17.870.899.274)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(6.740.848.550)	(11.538.394.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(119.042.002.586)	206.237.704.856
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(78.983.594.419)	(47.570.968.180)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.348.636.364
23	Chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(755.443.000.000)	(562.184.071.951)
24	Thu hồi tiền cho vay và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	388.479.254.000	168.839.106.052
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(258.000.000.000)	(512.830.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	89.795	28.960.000.000
27	Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và lãi tiền ứng trước	16.387.236.118	8.523.289.250
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(687.560.014.506)	(400.596.838.465)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	22 -	(3.015.672.745)
33	Tiền thu từ đi vay ngắn hạn, dài hạn	17 1.708.656.112.208	1.826.102.119.525
34	Tiền trả nợ gốc vay	17 (1.017.340.359.361)	(1.574.470.238.245)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(299.250)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	691.315.453.597	248.616.208.535
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(115.286.563.495)	54.257.074.926
60	Tiền đầu kỳ	3 150.839.591.519	286.588.565.310
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	(637.727.410)
70	Tiền cuối kỳ	35.553.028.024	340.207.912.826

Các giao dịch trong yếu không sử dụng bằng tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày ở Thuyết minh 34.

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng/Người lập

Nguyễn Ngô Vi Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Vĩnh Hoàn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 1400112623 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 17 tháng 4 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24 tháng 12 năm 2007 theo Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là nuôi trồng thủy sản nội địa; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; mua bán thủy hải sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy hải sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 6 công ty con. Chi tiết các công ty con được trình bày dưới đây:

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			30.6.2017	31.12.2016
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	Kinh doanh lương thực	Ấp Tân An, Xã Bình Thạnh Trung, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	99,3%	99,3%
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	Quốc lộ 30, Phường 11, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	90%	90%
Công ty TNHH Một thành viên ("MTV") chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Kinh doanh thủy sản	Ấp Đông Hoà, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	100%	100%
Octogone Holdings PTE. Ltd.	Kinh doanh thủy sản và thực phẩm chức năng	Phòng 6 Lầu 1 Tòa nhà Bharat, Số 3 Đường Raffles Place, Singapore	100%	100%
Octogone (Guangzhou) Trading Co., Ltd.	Kinh doanh thủy sản và thực phẩm chức năng	Số 537 Đại lộ Northern Panyu, Thành phố Quảng Châu, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên ("MTV") Thanh Bình Đồng Tháp	Kinh doanh thủy sản	Cụm công nghiệp Thanh Bình, xã Bình Thành, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thực hành kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

### **2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.4 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối niên độ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.7 Đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

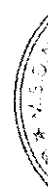
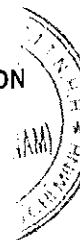
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**(b) Đầu tư vào các công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.7 Đầu tư (tiếp theo)

#### (c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

### 2.8 Tài sản cố định

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao và hao mòn*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu ngắn hơn. Thời gian khấu hao của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	4 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
Phần mềm vi tính	4 – 5 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.9 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước được hạch toán theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng ước tính.

### **2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### **2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

### **2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.14 Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### 2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

### 2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

### 2.17 Phân chia lợi nhuận thuần

#### *Cổ tức*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.17 Phân chia lợi nhuận thuần (tiếp theo)

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích, nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

### 2.18 Ghi nhận doanh thu

#### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

#### (b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.20 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.21 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**2.22 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí cho nhân viên bán hàng, giới thiệu và quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển và chi phí bằng tiền khác.

**2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương và phúc lợi của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí dụng cụ văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí bằng tiền khác.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.25 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN

**3 TIỀN**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Tiền mặt	507.714.086	447.047.454
Tiền gửi ngân hàng	35.045.313.938	150.392.544.065
	<u>35.553.028.024</u>	<u>150.839.591.519</u>

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30.6.2017		31.12.2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	<u>410.505.191.322</u>	<u>410.505.191.322</u>	<u>169.275.191.322</u>	<u>169.275.191.322</u>

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất cố định bằng Đồng Việt Nam.

**(b) Đầu tư vào công ty con**

	30.6.2017		31.12.2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	409.982.611.404	-	409.982.611.404	-
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	99.300.000.000	(78.768.456.746)	99.300.000.000	(69.475.830.360)
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	92.500.000.000	(45.020.245.573)	92.500.000.000	(31.357.702.646)
Octogone Holdings PTE. Ltd.	4.356.000.000	-	4.356.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	258.000.000.000	-	-	-
	<u>864.138.611.404</u>	<u>(123.788.702.319)</u>	<u>606.138.611.404</u>	<u>(100.833.533.006)</u>

Chi tiết về ngành nghề hoạt động và tỷ lệ quyền biểu quyết tại các công ty con được trình bày tại Thuyết minh 1.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****(b) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)***Tình hình hoạt động của các công ty con*

Ngày 8 tháng 2 năm 2017, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua quyết định nhận chuyển nhượng 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy sản Thanh Bình Đồng Tháp và đổi tên công ty này thành Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp do Công ty sở hữu 100% vốn. Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp được tăng từ 60 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng và đã góp đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

*Cam kết góp vốn*

Năm 2012, Công ty đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401711796 ngày 16 tháng 10 năm 2013. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa được thực hiện góp vốn vào công ty con này.

*Giá trị hợp lý*

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30.6.2017		31.12.2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long	15.977.340.000	-	15.977.340.000	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.297.729.978	-	1.297.729.978	-
	<u>17.275.069.978</u>	<u>-</u>	<u>17.275.069.978</u>	<u>-</u>

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết vào các đơn vị trên.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	96.073.220.081	58.744.659.176
Bên thứ ba (*)	1.325.302.502.508	931.560.906.501
	<u>1.421.375.722.589</u>	<u>990.305.565.677</u>

(\*) Chi tiết các khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu khách hàng:

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	<u>1.093.508.498.031</u>	<u>683.767.352.006</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, khoản phải thu khách hàng có giá trị là 8.750.000 đô la Mỹ (tương đương 198.625.000.000 đồng theo tỉ giá áp dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng hạn mức tín dụng có giá trị 17.500.000 đô la Mỹ, đáo hạn vào năm 2017 được cấp bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán là 3.870.477.366 đồng với thời gian quá hạn trên 1 năm.

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	14.599.380.000	39.599.380.000
Bên thứ ba (*)	5.217.044.987	67.686.818.158
	<u>19.816.424.987</u>	<u>107.286.198.158</u>

(\*) Chi tiết các nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư khoản trả trước cho người bán:

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Ông Trần Văn Khuôi	-	22.889.678.200
Ông Lâm Quang Thanh	-	19.934.925.000
	<u>-</u>	<u>-</u>

**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Số dư thể hiện khoản cho vay phải thu lại từ các bên liên quan (Thuyết minh 35(b)).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN

**8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	14.995.695.510	8.675.179.767
Lãi tiền gửi phải thu	-	5.502.611.112
Tạm ứng	1.577.697.711	2.272.990.244
Khác	6.129.467.913	5.234.734.691
	<u>22.702.861.134</u>	<u>21.685.515.814</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải thu khác quá hạn hoặc còn trong hạn nhưng khó thu hồi.

**9 HÀNG TỒN KHO**

	30.06.2017		31.12.2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	102.292.976.577	-	67.155.530.351	-
Công cụ, dụng cụ	2.785.566.414	-	3.543.815.060	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	369.572.873.783	-	328.730.044.049	-
Thành phẩm	305.318.107.719	(42.273.804.615)	421.979.532.269	(85.911.417.571)
Hàng hóa	2.304.662.362	-	2.842.762.057	-
	<u>782.274.186.855</u>	<u>(42.273.804.615)</u>	<u>824.251.683.786</u>	<u>(85.911.417.571)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, hàng hóa trong kho có giá trị là 8.750.000 đô la Mỹ (tương đương 198.625.000.000 đồng theo tỉ giá áp dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng hạn mức tín dụng có giá trị 17.500.000 đô la Mỹ, đáo hạn vào năm 2017 được cấp bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2017 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	85.911.417.571	52.434.123.719
Tăng dự phòng	4.853.733.429	33.477.293.852
Hoàn nhập và sử dụng dự phòng	(48.491.346.385)	-
Số dư cuối kỳ/năm	<u>42.273.804.615</u>	<u>85.911.417.571</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	349.740.855.033	485.435.678.456	22.340.216.806	5.026.132.772	862.542.883.067
Mua trong kỳ	-	11.367.521.845	2.954.213.637	-	14.321.735.482
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	767.805.454	24.471.404.228	(1.232.482.511)	-	25.239.209.682
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(1.232.482.511)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	350.508.660.487	521.274.604.529	24.061.947.932	5.026.132.772	900.871.345.720
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	186.717.373.778	378.732.387.157	12.441.356.777	1.907.518.557	579.798.636.269
Khấu hao trong kỳ	17.329.740.334	17.469.131.403	1.730.928.548	410.714.411	36.940.514.696
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.232.482.511)	-	(1.232.482.511)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	204.047.114.112	396.201.518.560	12.939.802.814	2.318.232.968	615.506.668.454
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	163.023.481.255	106.703.291.299	9.898.860.029	3.118.614.215	282.744.246.798
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	146.461.546.375	125.073.085.969	11.122.145.118	2.707.899.804	285.364.677.266

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, một số tài sản cố định của Công ty với tổng giá trị còn lại là 85.654.774.271 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 91.979.237.525 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay tại ngân hàng (Thuyết minh 17).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 382.986.179.204 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 331.653.491.568 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	60.107.110.350	1.060.952.090	<b>61.168.062.440</b>
Phân loại lại	(11.251.580.800)	-	<b>(11.251.580.800)</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	48.855.529.550	1.060.952.090	<b>49.916.481.640</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.112.979.550	807.017.877	<b>2.919.997.427</b>
Khấu hao trong kỳ	218.850.660	52.072.230	<b>270.922.890</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.331.830.210	859.090.107	<b>3.190.920.317</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	57.994.130.800	253.934.213	<b>58.248.065.013</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	46.523.699.340	201.861.983	<b>46.725.561.323</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, quyền sử dụng đất của Công ty với tổng giá trị còn lại là 16.966.216.223 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17.128.251.965 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay tại ngân hàng (Thuyết minh 17).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 540.229.790 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 540.229.790 đồng).

**11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Mua sắm tài sản cố định	81.119.911.813	77.554.962.348
Xây dựng cơ bản tại Công ty	48.837.653.340	19.153.063.890
Chi phí cho các ao nuôi cá	4.951.318.653	1.931.000.229
	<hr/>	<hr/>
	134.908.883.806	98.639.026.467
	<hr/>	<hr/>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN

**11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)**

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2017 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	98.639.026.467	72.518.703.862
Tăng	64.744.230.237	84.365.062.318
Phân loại lại	5.096.658.000	-
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(25.239.209.682)	(56.411.202.267)
Chuyển sang chi phí trả trước	(7.777.971.216)	(1.047.014.756)
Giảm khác	(553.850.000)	(786.522.690)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>134.908.883.806</u>	<u>98.639.026.467</u>

**12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Chi phí gia cố vùng nuôi	9.805.902.922	14.760.776.599
Tiền thuê đất trả trước	9.670.958.903	3.939.864.321
Sửa chữa và trang trí văn phòng	4.601.086.918	-
Khác	8.335.755.331	5.874.297.194
	<u>32.413.704.074</u>	<u>24.574.938.114</u>

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30.6.2017		31.12.2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho các bên thứ ba (*)	140.259.043.754	140.259.043.754	211.406.013.726	211.406.013.726
Các bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	11.930.708.929	11.930.708.929	6.182.226.570	6.182.226.570
	<u>152.189.752.683</u>	<u>152.189.752.683</u>	<u>217.588.240.296</u>	<u>217.588.240.296</u>

(\*) Chi tiết các nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trên tổng số dư khoản phải trả:

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Ông Trần Văn Khuôi	18.471.224.310	-
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	-	26.885.567.050
Ông Trần Minh Triết	-	7.849.784.220
	<u></u>	<u></u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN

**14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	27.254.732.661	78.580.660.414
Thuế thu nhập cá nhân	-	806.380.722
	<u>27.254.732.661</u>	<u>79.387.041.136</u>

Biến động thuế phải nộp/(phải thu) ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	78.580.660.414	27.583.094.449	(78.909.022.202)	27.254.732.661
Thuế thu nhập cá nhân	806.380.722	2.004.224.280	(4.168.641.204)	(1.358.036.202)
	<u>79.387.041.136</u>	<u>29.587.318.729</u>	<u>(83.077.663.406)</u>	<u>25.896.696.459</u>

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Chi phí vận chuyển	641.570.942	2.188.845.000
Khác	3.677.536.818	2.340.009.075
	<u>4.319.107.760</u>	<u>4.528.854.075</u>

**16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	574.347.959.167	386.372.593.191
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (Thuyết minh 23)	179.712.750	180.012.000
Chi trả hộ	9.115.680.218	8.351.250.000
Kinh phí công đoàn	14.935.232.834	13.446.877.428
Khác	5.904.685.013	8.861.630.868
	<u>604.483.269.982</u>	<u>417.212.363.487</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào quá hạn thanh toán.

## 17 CÁC KHOẢN VAY

	30.6.2017		31.12.2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng ngắn hạn (*)	1.134.846.579.550	1.134.846.579.550	445.476.848.179	445.476.848.179
Vay ngân hàng dài hạn (**)	63.473.387.326	63.473.387.326	61.527.365.850	61.527.365.850

Biến động các khoản vay trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.6.2017 VND
Vay ngân hàng ngắn hạn	445.476.848.179	1.706.710.090.732 (1.017.340.359.361)		1.134.846.579.550
Vay ngân hàng dài hạn	61.527.365.850	1.946.021.476	-	63.473.387.326

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản vay ngắn hạn nào quá hạn thanh toán.

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (i)	557.371.482.000	288.372.313.225
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (ii)	207.836.886.000	114.554.534.954
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	112.174.895.507	42.550.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iv)	257.463.316.043	-
	<u>1.134.846.579.550</u>	<u>445.476.848.179</u>

(i) Đây là các khoản vay bằng đồng Việt Nam, đáo hạn vào tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2017 với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và một số tài sản cố định tại phân xưởng bột cá, mở cá (Thuyết minh 10).

(ii) Đây là các khoản vay bằng đồng Việt Nam, đáo hạn vào tháng 7, tháng 8, tháng 9 và tháng 10 năm 2017 với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu khác hàng (Thuyết minh 5) và hàng tồn kho (Thuyết minh 9).

**17 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn: (tiếp theo)

(iii) Đây là các khoản vay tín chấp bằng đồng Việt Nam, đáo hạn vào tháng 10 năm 2017.

(iv) Đây là các khoản vay bằng đồng Việt Nam, đáo hạn vào tháng 7, tháng 8, tháng 9 và tháng 10 năm 2017 với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1, phân xưởng 2 và phân xưởng 3 (Thuyết minh 10).

(\*\*) Đây là khoản vay dài hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh liên quan đến việc đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án mở rộng xưởng chế biến bột cá, mở cá. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án mở rộng xưởng chế biến bột cá, mở cá (Thuyết minh 10).

**18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Khoản dự phòng này thể hiện khoản chi phí ước tính cho vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

**19 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại sẽ thu hồi sau 12 tháng	<u>2.884.318.801</u>	<u>6.143.236.098</u>

Biến động của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ/năm như sau:

	<b>Kỳ kế toán</b> <b>6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>Năm tài chính</b> <b>kết thúc ngày</b> <b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	6.143.236.098	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	<u>(3.258.917.297)</u>	<u>6.143.236.098</u>
Số dư cuối kỳ/năm	<u>2.884.318.801</u>	<u>6.143.236.098</u>

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh chủ yếu từ việc trích lập khoản dự phòng trợ cấp thôi việc và dự phòng chống bán phá giá.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại năm 2017 là 15%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN

**20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2017 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	48.870.864.526	52.003.001.526
Trích quỹ trong kỳ/năm (Thuyết minh 22)	-	20.000.000.000
Chi quỹ	(6.740.848.550)	(23.132.137.000)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>42.130.015.976</u>	<u>48.870.864.526</u>

**21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	30.6.2017		31.12.2016	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>92.403.943</u>	-	<u>92.403.943</u>	-
Số lượng cổ phiếu đăng ký đã phát hành	92.403.943	-	92.403.943	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(102.060)	-	(102.060)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>92.301.883</u>	-	<u>92.301.883</u>	-

**(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>92.403.943</u>	<u>924.039.430.000</u>	-	<u>924.039.430.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN

**22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	924.039.430.000	216.409.744.645	-	845.455.320.974	1.985.904.495.619
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	406.425.287.173	406.425.287.173
Chia cổ tức	-	-	-	(230.754.707.500)	(230.754.707.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(3.015.672.745)	-	(3.015.672.745)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<b>924.039.430.000</b>	<b>216.409.744.645</b>	<b>(3.015.672.745)</b>	<b>1.001.125.900.647</b>	<b>2.138.559.402.547</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	167.767.145.729	167.767.145.729
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<b>924.039.430.000</b>	<b>216.409.744.645</b>	<b>(3.015.672.745)</b>	<b>1.168.893.046.376</b>	<b>2.306.326.548.276</b>

**23 CỐ TỨC**

Biến động của khoản cố tức phải trả trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2017 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	180.012.000	85.492.750
Cố tức phải trả trong kỳ/năm	-	230.754.707.500
Cố tức đã chi trả bằng tiền trong kỳ/năm	(299.250)	(230.660.188.250)
Số dư cuối kỳ/năm (Thuyết minh 16)	<u>179.712.750</u>	<u>180.012.000</u>

**24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày ở Thuyết minh 36.

**(b) Ngoại tệ các loại**

	30.6.2017	31.12.2016
Đô la Mỹ ("USD")	1.382.016	6.272.791,12
Euro ("EUR")	319	343,49
Nhân dân tệ Trung Quốc ("CNY")	3.436	3.436
	<u>                    </u>	<u>                    </u>

**25 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	2.055.673.205.676	2.196.322.321.272
Doanh thu bán phụ phẩm	446.171.925.216	447.069.302.136
Doanh thu bán hàng hóa	276.094.994.218	198.686.538.431
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.815.122.441	32.323.974.060
Doanh thu bán nguyên vật liệu	8.037.537.376	3.289.908.045
	<u>2.827.792.784.927</u>	<u>2.877.692.043.944</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Giảm giá hàng bán	(706.423.594)	(34.924.484.050)
Hàng bán bị trả lại	(6.466.687.653)	(3.033.435.330)
	<u>(7.173.111.247)</u>	<u>(37.957.919.380)</u>
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u><u>2.820.619.673.680</u></u>	<u><u>2.839.734.124.564</u></u>



## 26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.781.173.263.922	1.799.913.820.037
Giá vốn của phụ phẩm đã bán	416.754.745.517	406.261.905.708
Giá vốn của hàng hóa đã bán	260.308.525.658	176.856.090.687
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	8.541.585.073	3.168.694.926
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(43.637.612.956)	(14.047.491.503)
	<u>2.423.140.507.214</u>	<u>2.372.153.019.855</u>

## 27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	15.570.924.644	14.439.752.176
Lãi tiền cho vay	11.240.696.000	8.097.844.421
Lãi tiền gửi	428.927.390	5.169.802.866
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	2.753.045.349	3.218.454.394
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	473.446.094
	<u>29.993.593.383</u>	<u>31.399.299.951</u>

## 28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền vay	18.631.856.732	23.535.806.475
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	22.955.169.312	5.634.610.616
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	6.562.960.964	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.936.121.312	18.826.914.662
Chi phí tài chính khác	115.065	231.245.463
	<u>53.086.223.385</u>	<u>48.228.577.216</u>

## 29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chi phí vận chuyển, lưu kho và các chi phí dịch vụ mua ngoài khác	87.814.735.319	86.739.142.344
Chi phí hội chợ, quảng cáo	15.521.453.801	21.897.106.786
Chi phí nhân viên	10.688.168.893	9.871.561.122
Chi phí khấu hao tài sản cố định	399.601.914	784.771.746
Chi phí dụng cụ đồ dùng	137.260.003	115.303.861
Khác	26.730.821.680	26.102.649.384
	<u>141.292.041.610</u>	<u>145.510.535.243</u>

## 30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	13.245.777.567	13.792.110.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.049.211.849	5.238.953.345
Chi phí dụng cụ	2.761.685.329	3.339.711.802
Chi phí khác	16.076.293.167	8.941.859.001
	<u>37.132.967.912</u>	<u>31.312.634.293</u>

## 31 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Xóa sổ khoản nợ không phải trả	-	3.430.827.786
Thu từ bán phế liệu	-	852.705.181
Lãi thuần do thanh lý tài sản cố định	190.909.091	464.646.457
Thu nhập khác	3.715.703.902	1.392.974.726
	<u>3.906.612.993</u>	<u>6.141.154.150</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	1.258.982.460	1.419.880.547
	<u>1.258.982.460</u>	<u>1.419.880.547</u>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<u><b>2.647.630.533</b></u>	<u><b>4.721.273.603</b></u>

**32 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo mức thuế suất 15% cho hoạt động chế biến thủy hải sản.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất thông thường theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	198.609.157.475	278.649.931.511
Thuế tính ở thuế suất 20%	39.721.831.495	55.729.986.302
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	240.307.704	366.645.309
Ưu đãi thuế	(9.120.127.453)	(10.673.180.199)
Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại của những năm trước	-	(6.465.000.000)
Chi phí thuế TNDN	<u>30.842.011.746</u>	<u>38.958.451.412</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	27.583.094.449	50.221.270.979
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 19)	3.258.917.297	(11.262.819.567)
	<u>30.842.011.746</u>	<u>38.958.451.412</u>

## 33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.918.647.146.815	1.941.059.194.533
Chi phí nhân công	267.567.529.758	199.759.420.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.138.748.192	33.083.561.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.671.711.444	232.151.211.007
Chi phí bằng tiền khác	62.956.894.350	91.943.908.927
	<u>2.489.982.030.559</u>	<u>2.497.997.296.317</u>

## 34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (“BCLCTT”)

## (a) Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	82.371.300	2.739.396.442
Kết chuyển khoản trả trước để mua cổ phiếu sang đầu tư dài hạn	-	26.174.510.000
	<u>-</u>	<u>26.174.510.000</u>

## (b) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Vay theo kế ước thông thường	<u>1.708.656.112.208</u>	<u>1.826.102.119.525</u>

## (c) Số tiền đã thực trả nợ gốc vay trong kỳ

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<u>1.017.340.359.361</u>	<u>1.574.470.238.245</u>

## 35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
<b>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>		
<b>Công ty con</b>		
Octogone (Guangzhou) Trading Co., Ltd.	55.687.109.810	21.986.797.599
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	37.909.914.243	33.972.005.068
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	9.013.014.840	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	6.354.967.538	7.664.657.445
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	1.458.611.132	296.701.521
Các cá nhân liên quan	-	20.951.583.000
	<u>110.423.617.563</u>	<u>84.871.744.633</u>
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	54.955.520.294	25.485.018.029
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	47.902.179.642	-
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	10.289.699.583	11.606.671.149
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	4.227.140.850	4.145.040.450
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Các cá nhân liên quan	5.403.397.760	7.309.144.910
	<u>122.777.938.129</u>	<u>48.545.874.538</u>
<b>iii) Mua tài sản cố định</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	20.000.000	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Các cá nhân liên quan	-	4.500.000.000
	<u>20.000.000</u>	<u>4.500.000.000</u>

## 35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
<b>iv) Bán tài sản cố định</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	100.000.000	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	90.909.091	-
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	-	1.885.000.000
	<u>190.909.091</u>	<u>1.885.000.000</u>
<b>v) Góp vốn</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	<u>258.000.000.000</u>	-
<b>vi) Cho vay ngắn hạn</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	319.523.000.000	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	20.600.000.000	21.000.000.000
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	5.090.000.000	2.550.000.000
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	-	8.500.000.000
	<u>345.213.000.000</u>	<u>32.050.000.000</u>
<b>vii) Lãi cho vay phát sinh</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	4.336.897.000	4.044.388.889
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	4.245.936.000	-
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	2.057.307.000	2.066.107.500
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	600.556.000	1.892.796.000
	<u>11.240.696.000</u>	<u>8.003.292.389</u>
<b>viii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>15.817.620.000</u>	<u>12.557.843.500</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN

**35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
<b>(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	49.583.787.503	18.391.821.313
Octogone (Guangzhou) Trading Co., Ltd.	43.104.141.456	40.261.008.290
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	2.964.955.856	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	420.335.266	-
Các cá nhân có liên quan	-	91.829.573
	<u>96.073.220.081</u>	<u>58.744.659.176</u>
<b>(ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)</b>		
Cá nhân liên quan	<u>14.599.380.000</u>	<u>39.599.380.000</u>
<b>(iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	224.943.746.000	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	162.750.000.000	171.450.000.000
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	85.390.000.000	82.400.000.000
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	-	93.500.000.000
	<u>473.083.746.000</u>	<u>347.350.000.000</u>
<b>(iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	8.691.327.500	6.634.020.500
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	3.656.359.459	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	696.706.000	740.758.000
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	-	81.667.000
<b>Bên liên quan khác</b>		
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	1.951.302.551	1.218.734.267
	<u>14.995.695.510</u>	<u>8.675.179.767</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Mẫu số B 09a – DN



**35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
<b>(v) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	11.930.708.929	5.698.911.270
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	-	483.315.300
	<u>11.930.708.929</u>	<u>6.182.226.570</u>

**(vi) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)**

<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	417.607.917.058	384.239.035.552
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	145.810.219.109	-
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	10.929.823.000	2.133.557.639
	<u>574.347.959.167</u>	<u>386.372.593.191</u>

**36 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang. Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Trong vòng 1 năm	2.991.121.478	2.812.753.678
Từ 1 đến 5 năm	11.964.485.911	11.251.014.714
Trên 5 năm	30.063.461.064	29.016.112.828
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<u>45.019.068.453</u>	<u>43.079.881.220</u>

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Ngô Vi Tâm  
Tổng Giám đốc